

CÔNG TY CỔ PHẦN LAZITA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LAZITA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAZITA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LAZITA .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107441247

3. Ngày thành lập: 20/05/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 13 tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437764347

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
8.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
9.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
10.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
11.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
12.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
13.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
14.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
15.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
16.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
17.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
18.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
19.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
20.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815

21.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
22.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
23.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
24.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
25.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
26.	Sản xuất máy luyện kim	2823
27.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
28.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
29.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
30.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
31.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
32.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
33.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
34.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
35.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
36.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
37.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
38.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất đường	1072
41.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
42.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
45.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
46.	Sản xuất rượu vang	1102
47.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
48.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai Sản xuất đồ uống không cồn	1104
49.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá Sản xuất thuốc lá Sản xuất thuốc hút khác	1200
50.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
51.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
52.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
53.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
54.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329

55.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
56.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
57.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
58.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
59.	Sản xuất giày dép	1520
60.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Bán buôn vàng, bạc đá quý khác	4662
61.	Bán buôn tổng hợp	4690
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
71.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
74.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829

75.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
76.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
77.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác	4511
78.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
79.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy	4542
80.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
81.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
82.	Bán buôn gạo	4631
83.	Bán buôn thực phẩm Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột... Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt ; Bán buôn thủy sản ; Bán buôn rau, quả ; Bán buôn cà phê ; Bán buôn chè ; Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;	4632(Chính)
84.	Bán buôn đồ uống Bán buôn đồ uống có cồn Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
85.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
86.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
87.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác ; Bán buôn dụng cụ y tế ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh ; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
88.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
89.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

92.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu	4773
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
94.	Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định của Pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT VIỄN THÔNG	Số 13, ngõ 97, phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	550.000	5.500.000.000	55,000	0102035139	
			Tổng số	550.000	5.500.000.000	55,000		
2	NGUYỄN TIẾN PHÚ	Phòng 202, số 259B Trung Liệt, tổ 21, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	10,000	011875693	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	10,000		

3	HOÀNG NGỌC VĂN	số 13 Ngõ 97, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	013583376	
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
4	NGUYỄN DU	Số 13, ngõ 97, phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	012800247	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
5	TRƯƠNG VĂN ANH	Số 28/15/88 Phạm Hữu Đường, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	034102710	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
6	NGUYỄN DOÃN BÌNH	Số 8 tập thể cục thi hành án, tổ 6, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	013141639	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011875693

Ngày cấp: 21/10/2004

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 202, số 259B Trung Liệt, tổ 21, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 202, số 259B Trung Liệt, tổ 21, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội